TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/8/2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Thế Nam**

2/ Ông **Hoàng Thanh Tâm**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Công Nam** - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nông Thị Nguyên T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 208/4 K, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nông Thị Nguyên T trình bày:

Chị T và anh T tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố L tỉnh Đồng Nai vào ngày 22/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, những năm gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng. Anh

T thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T về nhà cha mẹ tại S sống được 01 năm nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:* Anh T xác nhận lời trình bày của chị T về thời điểm kết hôn, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên bất đồng quan điểm. Chị T thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ mấy ngày rồi lại về. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh T xác định tình cảm không còn nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

- *Ý kiến của kiểm sát viên:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nông Thị Nguyên T được ly hôn với anh Trần Thanh T. Về con chung: không có nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; về án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nông Thị Nguyên T khởi kiện ly hôn với anh Trần Thanh T, anh T có địa chỉ cư trú tại tổ 4, khu phố C, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: chị Nông Thị Nguyên T, anh Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo

quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị Nguyên T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị T, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, do các bên không khéo dàn xếp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị hiện sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**4] Về con chung:** Không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị Nguyên T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Nguyên T. Cho chị Nông Thị Nguyên T được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu

tiền số 0005665 ngày 17/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.L;
- UBND P.S (Số 25_22/3/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Hải